

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi:** Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Căn cứ Biên bản họp thường trực Hội đồng khoa học kỹ thuật ngày 24/9/2024 của Bệnh viện thống nhất danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật Mua sắm thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn và phát triển kỹ thuật mới tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình (Đợt 4 năm 2024).

Hiện nay, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá các gói thầu: Mua sắm thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn và phát triển kỹ thuật mới tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình (Đợt 4 năm 2024) với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình

Địa chỉ: Số 530, Đường Lý Bôn, Phường Quang Trung, Thành Phố. Thái Bình, Tỉnh

Thái Bình

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận:

2.1. Hồ sơ pháp lý và hồ sơ sản phẩm: Ks. Nguyễn Văn Hiến – Phòng Vật tư thiết bị y tế, số điện thoại: 0977.983.964

2.2. Bảng báo giá: CN. Phan Minh Ánh- phòng Tài chính kế toán, số điện thoại: 0336.846.632 – email: [quanlydauthau.bvdktinhthaibinh@gmail.com](mailto:quanlydauthau.bvdktinhthaibinh@gmail.com).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

3.1. Hồ sơ pháp lý và hồ sơ sản phẩm: Ks. Nguyễn Văn Hiến – Phòng Vật tư thiết bị y tế, số điện thoại: 0977.983.964

- Hồ sơ pháp lý gồm:

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Hồ sơ sản phẩm gồm:

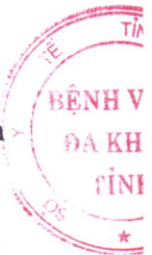
+ Catalog, hình ảnh sản phẩm

(Tài liệu gửi về Bệnh viện phải được niêm phong theo quy định).

3.2. Bảng báo giá (Theo mẫu báo giá đính kèm):

- Bản ký đóng dấu: Gửi về CN. Phan Minh Ánh, phòng Tài chính kế toán, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình. Địa chỉ: Số 530, Lý Bôn, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (Tài liệu gửi về Bệnh viện phải được niêm phong theo quy định).

- File mềm: (File scan báo giá, file scan catalog, file word, excel thông số kỹ thuật, mô tả dịch vụ) gửi vào email: [quanlydauthau.bvdktinhthaibinh@gmail.com](mailto:quanlydauthau.bvdktinhthaibinh@gmail.com).



4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 07h ngày 03 tháng 10 năm 2024 đến hết 17h ngày 14 tháng 10 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

## II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ.

STT	Tên hàng hóa	Cấu hình, Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ dụng cụ phẫu thuật (nội soi, cột sống, thần kinh, tim, mạch máu, lồng ngực, chi trên, chi dưới, hàm mặt, sọ não, u não, đại phẫu, trung phẫu, tiểu phẫu...)	Theo phụ lục đính kèm	Bộ	1
2	Máy cân lắc túi máu	Theo phụ lục đính kèm	Máy	10
3	Hệ thống nội soi khí quản, phế quản	Theo phụ lục đính kèm	Hệ thống	1
4	Máy khoan đa năng	Theo phụ lục đính kèm	Máy	1
5	Dây nội soi khí phế quản	Theo phụ lục đính kèm	Cái	1

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị và thực hiện dịch vụ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình (Số 530, Lý Bôn, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình).

3. Dự kiến ngày hoàn thành: 90 ngày

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không

- Dự kiến Thanh toán: Trong vòng 60 ngày từ ngày bàn giao nghiệm thu.

5. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá:

- Báo giá ghi rõ số điện thoại liên hệ khi cần thiết.

- Giấy tờ gửi kèm bao gồm:

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

+ Catalog, hình ảnh sản phẩm

+ Bản so sánh, đáp ứng thông số, tính năng kỹ thuật của Yêu cầu báo giá (ghi rõ tài

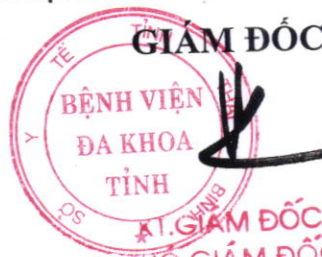
liệu chứng minh thông số kỹ thuật)

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình kính mời đại diện các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam tham gia báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên./.

### Nơi nhận

- Như kính gửi

- Lưu: VT; VTTBYT.



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
S. BSC. K. II. Lai Đức Trí





Mẫu báo giá cung cấp hàng hóa, dịch vụ

**BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>**

Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Thái Bình



**Kính gửi:** Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Thái Bình, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup>	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup>	Mã HS <sup>(4)</sup>	Năm sản xuất <sup>(5)</sup>	Nước sản xuất <sup>(6)</sup>	Thông số kỹ thuật	Số lượng/Khối lượng <sup>(7)</sup>	Đơn giá <sup>(8)</sup> (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VND)	Thành tiền <sup>(11)</sup> (VND)
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
n	.....										
<b>Tổng cộng</b>											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ..... ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2024.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc hợp mạt khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;
- Cam kết về chất lượng của sản phẩm;
- Cam kết chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình; cam kết bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá, không nâng khống giá;
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin trên.  
....., ngày .... tháng ... năm 2024

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu (nếu có))

**Ghi chú:**

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

**PHỤ LỤC. CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT TƯƠNG ĐƯƠNG**

1. Bộ dụng cụ phẫu thuật (nội soi, cột sống, thần kinh, tim, mạch máu, lồng ngực, chi trên, chi dưới, hàm mặt, sọ não, u não, đại phẩu, trung phẩu, tiểu phẩu...)

STT	Danh mục thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Cán dao mổ số 4	Cán dao mổ, số 4, dài $\geq 135$ mm	1
2	Cán dao mổ số 3	Cán dao mổ, số 3, dài $\geq 120$ mm	1
3	Cán dao mổ số 4L	Cán dao mổ, số 4L, dài $\geq 210$ mm	1
4	Róc tách và nâng vách ngăn Killian	Róc tách và nâng vách ngăn Killian, thẳng, hai đầu $\geq 4$ mm, dài $\geq 180$ mm	1
5	Nạo xương Martin-Cushing	Nạo xương Martin-Cushing, đầu nạo cong vát, rộng $\geq 6$ mm, dài $\geq 175$ mm	1
6	Dụng cụ róc xương LANGENBECK	Dụng cụ róc xương LANGENBECK, cong, lưỡi rộng $\geq 18$ mm, dài $\geq 190$ mm	1
7	Thìa nạo xương Daubenspeck	Thìa nạo xương Daubenspeck số 00, đường kính $\geq 4.4$ mm, dài $\geq 170$ mm	1
8	Thìa nạo xương Volkmann	Thìa nạo xương Volkmann số 00, đường kính $\geq 4.5$ mm, dài $\geq 170$ mm	1
9	Nhíp mô 160mm	Nhíp mô, loại chuẩn, thẳng, ngàm chuẩn, có răng (1x2), dài $\geq 160$ mm	1
10	Nhíp mô 180mm	Nhíp mô, loại chuẩn, thẳng, ngàm chuẩn, có răng (1x2), dài $\geq 180$ mm	1
11	Nhíp phẩu tích	Nhíp phẩu tích, ngàm có khóa, dài $\geq 130$ mm	1
12	Nhíp phẩu tích Waugh	Nhíp phẩu tích Waugh, thẳng, ngàm có khóa, dài $\geq 200$ mm	1
13	Kẹp phẩu tích Mikro-Adson	Kẹp phẩu tích Mikro-Adson, thẳng, ngàm răng cưa, dài $\geq 120$ mm	1
14	Ống hút Poppen	Ống hút Poppen, loại trung bình, cong, dài $\geq 180$ mm, đường kính $\geq 4.0$ mm, chiều dài hoạt động $\geq 110$ mm	1
15	Ống hút Fergusson	Ống hút Fergusson, dài $\geq 180$ mm, chiều dài hoạt động $\geq 110$ mm, đường kính $\geq 2.50$ mm	1
16	Ống hút Yasargil	Ống hút Yasargil, đường kính $\geq 1.5$ mm, chiều dài làm việc $\geq 150$ mm	1

STT	Danh mục thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
17	Banh tự giữ Anderson-Adson	Banh tự giữ Anderson-Adson, 4 x4 răng, nhọn, cong, có khóa cài, dài $\geq$ 190mm	1
18	Kéo phẫu tích Metzenbaum-Fino	Kéo phẫu tích Metzenbaum-Fino TC, mảnh, thẳng, mũi tù/tù, cán vàng, lưỡi phủ Tungsten, dài $\geq$ 180mm	1
19	Kéo phẫu tích Metzenbaum	Kéo phẫu tích Metzenbaum TC, cong, mũi tù/tù, cán vàng, lưỡi cắt phủ tungsten carbide, dài $\geq$ 260mm	1
20	Kéo phẫu tích Toennis-Adson	Kéo phẫu tích Toennis-Adson, mảnh, cong, mũi tù/tù, dài $\geq$ 175mm	1
21	Kéo vi phẫu Yasargil 200mm	Kéo vi phẫu Yasargil, thẳng, cán hình lưỡi lê, mũi nhọn/nhọn, cán có lỗ, dài $\geq$ 200mm	1
22	Kéo vi phẫu Yasargil 225mm	Kéo vi phẫu Yasargil, thẳng, cán hình lưỡi lê, mũi nhọn/nhọn, cán có lỗ, dài $\geq$ 225mm	1
23	Kẹp mang kim CRILE-WOOD	Kẹp mang kim CRILE-WOOD, đầu thẳng, cán vàng TC, ngàm phủ Tungsten Carbide, bước răng $\geq$ 0.40mm (mini), dùng cho chỉ 4/0-6/0, ngàm có khóa, dài $\geq$ 150 mm, chất liệu thép không gỉ	1
24	Kẹp mang kim Hegar-Mayo	Kẹp mang kim Hegar-Mayo, đầu thẳng, cán vàng TC, ngàm răng cưa, phủ Tungsten Carbide, bước răng $\geq$ 0.50mm (standard), dùng cho chỉ tới 4/0, dài $\geq$ 200mm, khóa tay cầm linh hoạt, chất liệu thép không gỉ	1
25	Dụng cụ gặm cột sống Ferris-Smith-Kerrison	Dụng cụ gặm cột sống Ferris-Smith-Kerrison, kiểu chuẩn, bề mặt phủ lớp mạ cứng, cong lên $40^\circ$ , có bộ phận đẩy mô, tháo rời được, dài $\geq$ 180mm, ngàm rộng $\geq$ 3mm.	1
26	Kẹp kim vi phẫu Yasargil-Samii	Kẹp kim vi phẫu Yasargil-Samii, cong, cán hình lưỡi lê, cán có lỗ, đầu lưỡi $\geq$ 5mm, dài $\geq$ 240mm	1

BỆNH  
ĐA  
T

STT	Danh mục thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
27	Vén rẽ thần kinh KRAYENBUEHL	Vén rẽ thần kinh KRAYENBUEHL số 4, gấp góc 90 độ, đầu thăm đường kính $\geq 0.8\text{mm}$ , dài $\geq 3.2\text{mm}$ , cán tròn, dài $\geq 190\text{mm}$	1
28	Banh vén rẽ thần kinh Love số 1	Banh vén rẽ thần kinh Love, thẳng, số 1, dài $\geq 215\text{mm}$	2
29	Banh vén rẽ thần kinh Love số 3	Banh vén rẽ thần kinh Love, gấp góc 90 độ, số 3, dài $\geq 110\text{mm}$	2
30	Kẹp mạch máu Halsted	Kẹp mạch máu Halsted (Mosquito), mảnh, thẳng, 1x2 răng, ngàm có khóa, dài $\geq 125\text{ mm}$	1
31	Kẹp mạch máu Halsted	Kẹp mạch máu Halsted (Mosquito), mảnh, cong, ngàm có khóa, dài $\geq 120\text{ mm}$	2
32	Kẹp sãng Backhaus	Kẹp sãng Backhaus, cong, đầu nhọn, dài $\geq 110\text{mm}$	6
33	Vén rẽ thần kinh KRAYENBUEHL	Vén rẽ thần kinh KRAYENBUEHL số 1, gấp góc 90 độ, đầu thăm đường kính $\geq 0.6\text{mm}$ , dài $\geq 3.3\text{mm}$ , cán tròn, dài $\geq 190\text{mm}$	1
34	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật	Khay lưới bảo quản dụng cụ phẫu thuật, loại tiêu chuẩn, cỡ 1/1, không có chân, kích thước $\geq 532\text{x}\geq 251\text{x}\geq 94\text{ mm}$	2
35	Hộp hấp tiệt trùng marSafe	Hộp hấp tiệt trùng marSafe, dùng đựng và bảo quản dụng cụ phẫu thuật, cỡ 1/1 (full-size), kích thước $\geq 600\text{ x}\geq 300\text{ x}\geq 140\text{mm}$ . Bộ đầy đủ bao gồm: - Nắp hộp: chất liệu hợp kim nhôm, có nắp bảo vệ và kẹp giữ màng lọc bằng thép không gỉ. - Đáy hộp không có lỗ thoát khí, chất liệu hợp kim nhôm. - Lẫy khóa mở nắp mã hóa bằng màu sắc: MÀU BẠC.	2
36	Dụng cụ phẫu tích thần kinh Penfield	Dụng cụ phẫu tích thần kinh Penfield, số 4, cong nhẹ, đầu tù $\geq 3.2\text{mm}$ , cán tròn, dài $\geq 205\text{mm}$	1



STT	Danh mục thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
37	Kìm gặm xương Zaufal-Jansen	Kìm gặm xương Zaufal-Jansen, cong, hoạt động đôi, dài $\geq 180\text{mm}$	1
38	Dụng cụ róc xương Landolt	Dụng cụ róc xương Landolt, cong, đầu nhọn, dài $\geq 175\text{mm}$ , đầu rộng $\geq 4.50\text{mm}$	1
39	Thìa nạo xương Halle	Thìa nạo xương Halle, nhỏ, số 1, đầu rộng $\geq 4.8\text{ mm}$ , dài $\geq 210\text{ mm}$	1
40	Ống thông	Ống thông, đường kính $\geq 2.5\text{mm}$ , dài $\geq 100\text{mm}$	1
41	Ống thông Jamieson	Ống thông Jamieson, thẳng, đường kính $\geq 1.0\text{ mm}$ , dài $\geq 27\text{ cm}$	1
42	Vén sọ	Vén sọ, đầu tù, kích thước đầu $\geq 3\text{mm}$ , dài $\geq 215\text{mm}$	1
43	Móc vi phẫu Krayenbühl 1.1mm	Móc vi phẫu Krayenbühl, gập góc 90 độ, mũi tròn, đường kính $\geq 1.1\text{mm}$ , chiều dài đầu $\geq 4.5\text{mm}$ , dài $\geq 190\text{mm}$	1
44	Móc vi phẫu Krayenbühl 0.8mm	Móc vi phẫu Krayenbühl, gập góc 90 độ, mũi tròn, đường kính $\geq 0.8\text{mm}$ , chiều dài đầu $\geq 3.2\text{mm}$ , dài $\geq 190\text{mm}$	1
45	Dao Samii	Dao Samii, đầu gập góc khoảng 30 độ, tay cầm tròn, dài $\geq 230\text{mm}$	1
46	Dao vi phẫu Jacobson	Dao vi phẫu Jacobson, đầu vát, dài $\geq 185\text{mm}$	1
47	Kéo vi phẫu Yasargil	Kéo vi phẫu Yasargil, thẳng, cán hình lưỡi lê, mũi nhọn/nhọn, cán có lỗ, dài $\geq 225\text{mm}$	1
48	Kẹp kim vi phẫu Yasargil-Samii	Kẹp kim vi phẫu Yasargil-Samii, cong, cán hình lưỡi lê, cán có lỗ, đầu lưỡi $\geq 5\text{mm}$ , dài $\geq 240\text{mm}$	1
49	Nhíp vi phẫu	Nhíp vi phẫu, thẳng, đầu nhọn, đường kính $\geq 0.3\text{mm}$ , dài $\geq 150\text{mm}$	2
50	Kéo cắt chỉ vi phẫu	Kéo cắt chỉ vi phẫu, đầu cong, mũi nhọn/nhọn, cán tròn, dài $\geq 180\text{mm}$	1
51	Dụng cụ phẫu thuật sọ não Jannetta	Dụng cụ phẫu thuật sọ não Jannetta, số 1. đầu gập góc, mũi nhọn, dài $\geq 230\text{mm}$ , $\geq 9''$	1

ỘN  
A  
HNIP

STT	Danh mục thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
52	Dụng cụ gấp đĩa đệm Caspar	Dụng cụ gấp đĩa đệm Caspar, thẳng, dài $\geq 200\text{mm}$ , ngàm rộng $\geq 3\text{ mm}$ , có thể tháo rời, vật liệu đá Solid Black	1
53	Dụng cụ găm cột sống Ferris-Smith-Kerrison	Dụng cụ găm cột sống Ferris-Smith-Kerrison, kiểu chuẩn, cong lên $40^\circ$ , có bộ phận đẩy mô, kích thước đầu $10\text{mm}$ , tháo rời được, dài $\geq 230\text{mm}$ , ngàm rộng $\geq 3\text{mm}$ , vật liệu Black Solid	1
54	Ống hút vi phẫu Fukushima 2.3mm	Ống hút vi phẫu Fukushima, đường kính $\geq 2.3\text{mm}$ , đầu hình giọt nước, thon, dài $\geq 180\text{mm}$ , chiều dài làm việc $\geq 115\text{mm}$	1
55	Ống hút vi phẫu Fukushima 2mm	Ống hút vi phẫu Fukushima, đường kính $\geq 2\text{mm}$ , đầu hình giọt nước, thon, dài $\geq 180\text{mm}$ , chiều dài làm việc $\geq 115\text{mm}$	1
56	Ống hút vi phẫu Fukushima 2mm	Ống hút vi phẫu Fukushima, đường kính $\geq 2\text{mm}$ , đầu hình giọt nước, thon, dài $\geq 230\text{mm}$ , chiều dài làm việc $\geq 165\text{mm}$	1
57	Banh não tự giữ Leyla	Banh não tự giữ Leyla, bộ hoàn chỉnh, cố định vào bàn mổ, tay cầm linh hoạt, bao gồm:	
		Khớp nối thanh cố định dụng cụ với thành bên bàn mổ	1
		Thanh giữ để cố định vào khớp bi và khớp nối	1
		Đầu nối với 1-5 tay giữ dụng cụ	1
58	Tay giữ dụng cụ phẫu thuật sọ não Leyla	Tay giữ dụng cụ phẫu thuật sọ não Leyla	1
59	Tay giữ hỗ trợ dùng cho vén não	Tay giữ hỗ trợ dùng cho vén não, tay cầm tròn, đường kính $\geq 5,5\text{mm}$	1
60	Vén não Heifetz 8mm	Vén não Heifetz, dễ uốn, dài $\geq 155\text{mm}$ , lưỡi rộng $\geq 8\text{mm}$	1
61	Vén não Heifetz 11mm	Vén não Heifetz, dễ uốn, dài $\geq 155\text{mm}$ , lưỡi rộng $\geq 11\text{mm}$	1

STT	Danh mục thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
62	Vén não Heifetz 14mm	Vén não Heifetz, dễ uốn, dài $\geq 155$ mm, lưỡi rộng $\geq 14$ mm	1
63	Vén não Heifetz 17mm	Vén não Heifetz, dễ uốn, dài $\geq 155$ mm, lưỡi rộng $\geq 17$ mm	1
64	Dụng cụ đặt clip 145mm	Dụng cụ đặt clip, loại nhỏ, có khóa cài, dài $\geq 145$ mm	1
65	Dụng cụ đặt clip 185mm	Dụng cụ đặt clip, loại chuẩn, hình lưỡi lê, có khóa cài, dài $\geq 185$ mm	1

## 2. Máy cân lắc túi máu

<b>I. Yêu cầu chung</b>
- Năm sản xuất: 2023 trở về sau
- Thiết bị mới: 100%
- Nguồn điện sử dụng: 220V/50Hz
- Môi trường hoạt động:
+ Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ .
+ Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$
- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương
<b>II. Yêu cầu cấu hình</b>
- Máy chính: 01 máy
- Sách hướng dẫn sử dụng: 01 bộ gồm tiếng Anh và tiếng Việt
<b>III. Yêu cầu kỹ thuật</b>
Máy chính:
- Màn hình hiển thị: Màn hình cảm ứng LCD hoặc LED có đèn nền
- Khối lượng túi máu tối đa $\geq 800$ g. Tự động Zero và trừ bì
- Thể tích máu thu thập: Từ 0 - $\geq 450$ ml
- Độ chính xác: $\leq 1\%$ khối lượng tối đa
- Chu kỳ lắc: $\geq 16$ vòng/phút
- Khả năng cảnh báo:
+ Tự động báo ngừng lấy máu khi đủ thể tích và khối lượng đã được thiết lập.
+ Cảnh báo khi máu ngừng chảy hoặc chảy chậm.
+ Có khả năng lưu trữ trên 100 lần
- Hệ thống lắc: Tự động
+ Tích hợp hệ thống kẹp dây túi máu. Có cảm biến để kiểm tra dây túi máu đã được gắn vào đúng vị trí hay chưa.



- + Cơ cấu lắc: lắc đều hoặc xoay tròn hoặc 3D
- Khả năng kết nối: Có các cổng kết nối thông dụng như kết nối mạng RS485 hoặc không dây, kết nối đầu đọc mã vạch, cổng USB,... hoặc tương đương.

### 3. Hệ thống nội soi khí quản, phế quản

<b>I. Yêu cầu chung</b>
- Năm sản xuất: 2023 trở về sau
- Thiết bị mới: 100%
- Nguồn điện sử dụng: 220v/50Hz
- Môi trường hoạt động:
+ Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ .
+ Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$
- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương
<b>II. Yêu cầu cấu hình</b>
1. Bộ xử lý hình ảnh tích hợp nguồn sáng LED: 01 bộ
2. Cáp kết nối ống soi: 01 chiếc
3. Màn hình y tế LCD 27 inch: 01 chiếc
4. Ống nội soi phế quản video: 01 bộ
5. Ống nội soi màng phổi: 01 bộ
6. Dụng cụ kiểm tra rò rỉ: 01 chiếc
7. Xe đẩy hệ thống: 01 chiếc
8. Hệ thống in trả kết quả, bao gồm:
- Máy tính: 01 chiếc
- Màn hình LCD: 01 chiếc
- Máy in màu: 01 chiếc
9. Máy hút dịch 2 bình: 01 chiếc
10. Dao mổ điện cao tần: 01 chiếc
Phụ kiện bao gồm:
- Dây cáp cao tần đơn cực: 01 chiếc
- Dây cáp kết nối bản điện cực trung tính: 01 chiếc
<b>III. Yêu cầu kỹ thuật</b>
<b>1. Bộ xử lý hình ảnh tích hợp nguồn sáng LED</b>
- Bộ xử lý hình ảnh nội soi cung cấp chất lượng hình ảnh HDTV (Full HD (1920 x 1080 pixel))
- Nguồn sáng LED tích hợp
- Có chức năng quan sát với ánh sáng ở dải bước sóng hẹp tăng cường khả năng hiển thị của mao mạch và các cấu trúc khác trên bề mặt niêm mạc
- Có chức năng dừng hình ảnh trước tự động chọn lựa hình ảnh rõ nét nhất

- Tín hiệu đầu ra tương thích với: RGB, Y/C, HD-SDI, SD-SDI, DVI,...
- Điều chỉnh tông màu:
+ Đỏ: $\geq 17$ bước
+ Xanh: $\geq 17$ bước
+ Chroma: $\geq 17$ bước
- Có tính năng khuếch đại ánh sáng tự động
- Điều chỉnh độ tương phản tối thiểu: 3 mức
+ Bình thường: Hình ảnh bình thường
+ Cao: Vùng tối sẽ tối hơn và vùng sáng sẽ sáng hơn so với hình ảnh bình thường.
+ Thấp: Vùng tối sẽ sáng hơn và vùng sáng sẽ tối hơn hình ảnh bình thường
- Có chế độ hiệu chỉnh ánh sáng tự động
- Có thể hiển thị tối thiểu các thông tin của bệnh nhân, trạng thái lưu trữ thông tin, thông tin của hình ảnh
- Có chức năng dừng hình
- Có chức năng tăng cường cấu trúc và tăng cường hình ảnh.
+ Tăng cường cấu trúc: Tăng cường độ tương phản các mẫu nhỏ trong hình ảnh
+ Tăng cường góc cạnh: Tăng cường các góc cạnh của hình ảnh nội soi.
- Có 2 loại tăng cường cấu trúc A và B:
+ Loại A để quan sát các mô niêm mạc lớn với độ tương phản cao ở đường tiêu hóa dưới
+ Loại B để quan sát các mạch máu ở đường tiêu hóa trên.
- Kích thước hình ảnh nội soi có thể thay đổi được.
- Có tính năng giảm nhiễu
- Mức tăng cường hình ảnh có thể được lựa chọn $\geq 3$ mức
- Bộ nhớ hình ảnh: TIFF: $\geq 227$ hình, JPEG (1/5): $\geq 1024$ hình, JPEG (1/10): $\geq 2048$ hình
- Các cài đặt được lưu ngay cả khi bộ xử lý tắt
- Lưu dữ liệu bệnh nhân: $\geq 50$ bệnh nhân
- Cài đặt người dùng: $\geq 20$ người dùng
- Có khả năng kết nối với đầu camera cho nội soi ống cứng
<b>2. Màn hình y tế LCD 27 inch</b>
- Màn hình: a-Si TFT Active Matrix LCD
- Kích thước: 27 inch
- Độ phân giải: $\geq 1920 \times 1080$ pixels (Full HD)
- Tỷ lệ màn hình: 9:16
- Đèn nền: LED
- Công nghệ panel: LCD kết hợp với IPS
- Độ sáng: $\geq 300$ cd/m <sup>2</sup>
- Tỷ lệ tương phản: 1000:1
- Màu: $\geq 16.7$ triệu màu
- Góc nhìn: $\geq (89^\circ/89^\circ/89^\circ/89^\circ)$

- Ngõ vào tín hiệu tối thiểu: Composite, DVI-D, SDI

### **3. Ống nội soi phế quản Video**

- Cung cấp hình ảnh độ phân giải cao

- Có hỗ trợ công nghệ tăng cường hình ảnh quang học ở dải bước sóng hẹp giúp cải thiện quan sát mạch máu và các cấu trúc khác

- Thiết kế đầu nối ống soi chống thấm nước

- Trường nhìn:  $\geq 120^\circ$

- Hướng nhìn thẳng

- Độ sâu trường nhìn:  $\leq 3$  mm đến  $\geq 100$  mm

- Đường kính ngoài của đầu cuối ống soi:  $\geq 4.8$  mm

- Đường kính ngoài của thân ống soi:  $\geq 4.9$  mm

- Đường kính bên trong kênh dụng cụ:  $\geq 2.0$  mm

- Khoảng cách tối thiểu để nhìn thấy dụng cụ:  $\geq 3.0$  mm từ đầu cuối ống soi

- Đầu cuối ống soi tối thiểu gồm 03 thành phần: 2 kênh dẫn sáng, 1 kênh thấu kính, 1 kênh dụng cụ

- Độ uốn cong của đầu ống soi:

+ Hướng lên:  $\geq 180^\circ$

+ Hướng xuống:  $\geq 130^\circ$

- Chiều dài làm việc:  $\geq 600$  mm

### **4. Ống nội soi màng phổi**

- Trường nhìn:  $\geq 120$  độ

- Độ sâu trường nhìn:  $\leq 3$  -  $\geq 100$  mm

- Đường kính ngoài của đầu ống soi:  $\geq 7$  mm

- Đường kính ngoài của thân ống soi:  $\geq 7$  mm

- Đường kính kênh dụng cụ:  $\geq 2.8$  mm

- Đầu cuối ống soi gồm tối thiểu các thành phần: 2 đường dẫn sáng, 1 thấu kính, 1 đầu ra kênh dụng cụ

- Độ uốn cong của đầu ống soi:

+ Hướng lên:  $\geq 160^\circ$

+ Hướng xuống:  $\geq 130^\circ$

- Chiều dài làm việc:  $\geq 270$  mm

- Chiều dài tổng:  $\geq 520$  mm

### **5. Dụng cụ kiểm tra rò rỉ**

- Tương thích với các ống soi trên, dùng để kiểm tra rò rỉ

### **6. Que đốt điện cầm máu**

- Que đốt điện cầm máu dùng nhiều lần, chiều dài làm việc  $\geq 1050$  mm

### **7. Xe đẩy hệ thống**

- Số ngăn chứa máy:  $\geq 03$  ngăn

- Có giá treo màn hình, tai treo ống soi

- Bánh xe có phanh hãm

THAM

### 8. Hệ thống in trả kết quả

- Máy tính: cấu hình tối thiểu như sau:
- + Bộ vi xử lý core i3  $\geq$  2.6 GHz; RAM  $\geq$  4 GB,
- + Ổ lưu trữ  $\geq$  350 GB, màn hình LCD  $\geq$  17";
- + Chuột, bàn phím đi kèm
- Máy in màu thông dụng, tốc độ in tối đa  $\geq$  15 tờ/phút

### 9. Máy hút dịch 2 bình

- Loại bơm piston không dầu
- Áp suất chân không tối đa:  $\leq$  (- 675) mmHg
- Tốc độ lưu thông khí tự do tối đa:  $\geq$  60 lít/phút
- Dung tích bình đựng dịch:  $\geq$  2000 mL/ bình

### 10. Dao mổ điện cao tần

- Sử dụng màn hình cảm ứng
- Người dùng có thể chọn giữa 2 cấp độ người dùng: Nâng cao và Cơ bản.
- + Cấp độ nâng cao: Tối ưu cho người dùng muốn kiểm soát chính xác các cài đặt HF và có sự kiểm soát tối ưu
- + Cấp độ cơ bản: Phù hợp với người dùng thích sự dễ dàng sử dụng và khả năng điều chỉnh nhanh chóng các cài đặt HF cần thiết cho các quy trình.
- Có hệ thống tin nhắn hỗ trợ thông minh cung cấp những phản hồi đơn giản và dễ hiểu giúp người dùng tự tin vận hành và khắc phục sự cố
- Hiện thị  $\geq$  29 ngôn ngữ
- Chế độ kiểm soát tia đốt nhanh giúp đo lường mức độ tia đốt trong quá trình cắt, tự động điều chỉnh năng lượng đầu ra để đạt hiệu quả tái tạo mô cũng như bảo vệ dụng cụ nội soi
- Có khả năng quản lý chất lượng tiếp xúc để giảm nguy cơ bỏng nhiệt cho bệnh nhân
- Có cảm biến bảo vệ rò rỉ dòng điện: đo lường và kiểm soát dòng điện rò rỉ, giảm nguy cơ các tác hại không mong muốn cho người dùng và bệnh nhân.
- Số cổng cắm đơn cực:  $\geq$  1
- Số cổng cắm lưỡng cực:  $\geq$  1
- Ngõ ra đơn cực:
  - + Cắt thuần: tối đa  $\geq$  120W tại 500 Ohms
  - + Cắt xung chậm/nhanh: tối đa  $\geq$  120W tại 500 Ohms
  - + Cầm máu nhẹ: tối đa  $\geq$  120W tại 500 Ohms
  - + Cầm máu tăng cường: tối đa  $\geq$  120W tại 500 Ohms
- Ngõ ra lưỡng cực:
  - + Cắt lưỡng cực: tối đa  $\geq$  100W tại 500 Ohms
  - + Cầm máu nhẹ lưỡng cực: tối đa  $\geq$  120W tại 100 Ohms
- Tần số cao tần: 356 kHz  $\pm$  20%

### IV. Yêu cầu khác

- Kim sinh thiết phế quản, dùng 1 lần (20 chiếc/hộp): 01 hộp



- Kim gấp dị vật phế quản dùng nhiều lần: 01 chiếc
- Que đốt điện cầm máu dùng nhiều lần: 01 chiếc
- Bàn điện cực trung tính dùng 1 lần (10 cái/hộp): 01 hộp

#### 4. Máy khoan đa năng

<b>I. Yêu cầu chung</b>
- Hàng mới 100%
- Sản xuất năm 2023 trở về sau
- Đạt chứng nhận ISO 13485 hoặc tương đương
- Môi trường hoạt động:
+ Nhiệt độ tối đa $\geq 30$ độ C
+ Độ ẩm tối đa $\geq 70\%$
<b>II. Yêu cầu cấu hình</b>
- Tay cầm: 01 cái
- Ngàm khoan: 01 cái
- Mũi khoan: 2 cái
- Dụng cụ lắp pin: 01 cái
- Ngàm bắn đinh xuyên kim: 01 cái
- Pin Li-Ion: 02 cái
- Vỏ bọc pin: 02 cái
- Bộ sạc đôi: 01 bộ
- khay và hộp lưới hấp tiệt trùng: 01 bộ
- Bộ lọc giấy có chỉ thị dùng 1 lần: 100 cái
<b>III. Yêu cầu kỹ thuật</b>
- Máy khoan đa năng có tối thiểu các chức năng như khoan, doa, bắt vít, đập
- Tay khoan với 2 cò điều khiển chế độ quay tới, quay lùi và có chốt khóa an toàn
- Có chế độ khoan tiêu chuẩn tốc độ $\geq 1200$ rpm, chế độ bắt vít $\geq 150$ rpm, tính năng khoan lắc $\geq 1200$ cpm
- Tay khoan và các loại ngàm có thể hấp tiệt trùng
- Khoan đạt được tốc độ tối đa $\geq 1200$ vòng/phút
- Máy có moment xoắn tối đa $\geq 5$ Nm
- Độ mở ngàm khoan từ $\leq 1.0$ mm đến $\geq 7.4$ mm
- Nòng rỗng $\geq 4$ mm
- Sử dụng công nghệ pin Li-Ion hoặc tương đương
- Dung lượng pin trên $\geq 2,5$ Ah



## 5. Dây nội soi khí phế quản

<b>I. Yêu cầu chung</b>
- Thiết bị mới 100%
- Năm sản xuất 2023 trở về sau
- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương
<b>II. Yêu cầu cấu hình</b>
<b>1. Dây nội soi: 01 cái</b>
<b>2. Yêu cầu phụ kiện</b>
- 01 Va li đựng dây soi
- 01 Dụng cụ thông khí
- 01 Chổi rửa ngắn
- 01 Chổi rửa dài
- 01 Nhựa ngang miệng
- 10 Nắp van sinh thiết
- 01 Van hút
- 01 Bộ rửa kênh
- 01 Bộ sách hướng dẫn sử dụng
<b>II. Yêu cầu kỹ thuật</b>
- Hướng quan sát nhìn thẳng: $0^\circ$
- Phạm vi quan sát: $\leq 3 - \geq 100$ mm
- Trường nhìn: $\geq 120^\circ$
- Đường kính đầu dây soi: $\geq 4.9$ mm
- Đường kính thân dây soi: $\geq 4.9$ mm
- Đường kính kênh sinh thiết: $\geq 2.0$ mm
- Khả năng uốn cong: Lên $\geq 180^\circ$ / xuống $\geq 130^\circ$
- Chiều dài làm việc: $\geq 600$ mm
- Chiều dài toàn bộ: $\geq 870$ mm
- Dùng phù hợp với hệ thống nội soi khí quản, phế quản hãng Fujifilm/Nhật Bản